

Sắc thái văn hóa Nhật Bản qua tiểu thuyết *Cố đô* của Yasunari Kawabata

Lê Thị Kim Oanh^(*)

Bùi Nguyên Hân^(**)

Tóm tắt: *Yasunari Kawabata (1899-1972) là một trong những tên tuổi kiệt xuất của nền văn học Nhật Bản hiện đại. Cùng với hai tác phẩm “Xứ tuyết” (1947) và “Ngàn cánh hạc” (1951), tiểu thuyết “Cố đô” (1961) là tác phẩm thứ ba mà Ủy ban trao giải Nobel đã nhắc đến khi quyết định trao Giải Nobel văn học cho ông năm 1968. Bài viết tìm hiểu những sắc thái văn hóa Nhật Bản được thể hiện rõ nét trong tác phẩm này trên các phương diện ngôn ngữ, biểu tượng, lễ hội, trang phục, từ đó, làm rõ mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và văn hóa mà tác giả đã sử dụng để bày tỏ ước muốn gìn giữ những nét đẹp văn hóa truyền thống Nhật Bản khi đứng trước những tư tưởng và văn hóa Tây phương ở thế kỷ XX.*

Từ khóa: Yasunari Kawabata, Tiểu thuyết Cố đô, Văn hóa Nhật Bản, Văn hóa truyền thống

1. Sắc thái văn hóa Nhật Bản thể hiện trong tiểu thuyết *Cố đô*

Yasunari Kawabata là một trong những tên tuổi kiệt xuất làm rạng danh nền văn chương Nhật Bản hiện đại. Ông thuộc tầng lớp những nghệ sĩ duy mỹ xuất sắc của thế kỷ XX và là bậc thầy trong việc sử dụng nghệ thuật ngôn từ, biểu tượng và hình ảnh. Suốt đời đi tìm kiếm vẻ đẹp thiên nhiên và tâm hồn Nhật Bản, tác phẩm của Kawabata gắn liền với dòng chảy lịch sử của xứ sở Phù Tang. Những áng văn của ông thấm đẫm linh hồn dân tộc, tinh thần nâng niu và giữ gìn văn hóa truyền thống thuần khiết.

Điều này được thể hiện rất rõ trong tác phẩm *Cố đô* của Kawabata, thông qua câu chuyện về cuộc đời của hai chị em song sinh Chieko và Naeko bị chia tách nhau từ khi mới chào đời bởi một tục lệ cổ xưa và gặp lại nhau trong một ngày hội của cố đô Kyoto. Bằng cách sử dụng ngôn ngữ điêu luyện, Kawabata đã khéo léo giới thiệu với độc giả những sắc thái văn hóa đặc sắc của dân tộc mình. Đó cũng chính là một trong những điểm nổi bật của tác phẩm này.

** Sắc thái văn hóa thể hiện qua các thủ pháp ngôn ngữ đặc sắc*

Ngôn ngữ là một trong những chất liệu quan trọng tạo nên một tác phẩm văn chương. Nhà văn xây dựng hình tượng văn học, tái hiện lời nói, thể hiện quan điểm tư tưởng văn hóa nghệ thuật, nhân sinh quan,

^(*) ThS., Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng.

^(**) ThS., Khoa Du lịch, Đại học Huế; Email: nguyenhnbui@gmail.com

giá trị quan, thế giới quan thông qua phương tiện ngôn ngữ. Do vậy ngôn ngữ được xem là thành tố của văn hóa, là con đường truyền bá, quảng diễn văn hóa hiệu quả nhất thông qua những tác phẩm văn chương. Trong *Cố đô*, Kawabata đã khéo léo sử dụng các thủ pháp ngôn ngữ đặc sắc miêu tả tâm trạng của nhân vật và tái hiện lại những nét văn hóa truyền thống của Nhật Bản.

Về câu chuyện của hai chị em song sinh Chieko và Naeko bị thất lạc nhau từ nhỏ trong *Cố đô*: Chieko vốn là một tiểu thư xinh đẹp trong một gia đình thương gia bán vải và kimono giàu có ở Kyoto. Cuộc đời của Chieko sẽ bình yên, đơn giản nếu như nàng không phát hiện ra một sự thật bấy lâu nay bị che giấu, đó là việc nàng chỉ là con nuôi của gia đình thương gia Takichiro. Khi sự thật về thân thế khai mở, tác giả đã tạo nên loại ngôn ngữ độc thoại nội tâm mang đầy tính hoài nghi của nhân vật này. Nàng tự hỏi cha mẹ ruột của mình là ai, họ đang ở đâu, và cuộc sống của những người đã bỏ rơi nàng giờ đây ra sao. “Nhưng nếu nàng không phải là con của ông Takichiro và bà Shige thì có nghĩa là cha mẹ đẻ của nàng đang sống đâu đây; không khéo nàng còn có anh em, chị em. Chắc gì ta đã được gặp họ - Chieko suy tư - và chắc là họ long đong vất vả chứ đâu được như ta” (*Tuyển tập Kawabata*, 2005: 641). Những suy tư, dẫn vật của nhân vật cứ thế trải dài qua những ngôn từ đậm tính hoài nghi trong tác phẩm. “Người ta đã vứt bỏ hay đánh cắp nàng - đằng nào cũng vậy cả thôi, cả bà Shige và ông Takichiro đều không biết nơi nàng sinh ra. Có lẽ cả cha mẹ nàng, họ cũng không biết” (*Tuyển tập Kawabata*, 2005: 641).

Thông qua ngôn ngữ mang đậm tính hoài nghi nhằm tái hiện lại những góc khuất cuộc đời của Chieko, Kawabata đã tái hiện lại một

nét văn hóa cổ xưa của người Nhật, đó là tập tục cho đi một đứa con nếu người phụ nữ trong nhà sinh đôi. Đứa trẻ đó phải được giấu kín hoặc đem cho gia đình khác ở xa nuôi dưỡng vì nếu không gia đình sẽ gặp những điều tai ương, rủi ro. Tập tục văn hóa này rất cổ xưa và hầu như nó đã bị người Nhật quên lãng. Chieko chính là đứa bé bị cho đi. Tuy nhiên, chính Chieko lại là người có cuộc sống giàu sang và hạnh phúc hơn Naeko - người chị em song sinh được giữ lại trong gia đình. Naeko, khi gặp lại Chieko và phát hiện ra đây chính là người chị em song sinh của mình, đã rất đổi vui mừng. Tuy nhiên, ngay sau đó, nàng lại e ngại rằng nếu làm lộ bí mật này, rất có thể sẽ ảnh hưởng đến vị trí xã hội và hạnh phúc mà Chieko đang có được. Ở đây, Kawabata đã cho độc giả thấy được sự đối lập trong định mệnh của hai chị em song sinh này. Tuy có ngoại hình giống nhau nhưng rõ ràng hai số phận rất khác nhau. Naeko tưởng chừng như là đứa trẻ may mắn khi được giữ lại cùng gia đình, nhưng cho đến thời điểm gặp lại Chieko, cô cảm thấy rằng mình đang có một vị trí xã hội thấp kém hơn người chị em song sinh của mình. Bất cứ thân phận nào cũng có điểm sáng và điểm tối cũng như đời sống luôn có những yếu tố thật và ảo. Đó cũng chính là sắc thái văn hóa Maboroshi (蜃), nhấn mạnh yếu tố huyền ảo trong cuộc sống của nhân sinh quan Nhật Bản. Sắc thái văn hóa này đã được Kawabata chuyển tải một cách kín đáo và sâu sắc qua cách miêu tả nội tâm đầy mâu thuẫn của các tuyến nhân vật.

* *Sắc thái văn hóa Nhật Bản qua cách xây dựng các biểu tượng*

Văn hóa là thế giới hình thái của những biểu tượng. Trong *Cố đô*, Kawabata đã xây dựng một số biểu tượng đặc sắc, đại diện cho văn hóa vật chất và tinh thần của người Nhật Bản.

Cốt truyện chủ yếu xoay quanh cuộc hội ngộ của hai chị em Chieko và Naeko tại thành phố Kyoto. Cố đô, tiếng Nhật đọc là Koto (古都), chính là thành phố Kyoto - Kinh đô của Nhật Bản từ thế XII đến XIX (1185-1868). Lúc đó, thành phố được biết đến với tên gọi Heian-kyo (平安京), nghĩa là kinh thành Heian. Trong suốt hơn 800 năm, Kyoto là trung tâm hội tụ đầy đủ tinh hoa văn hóa của đất nước Nhật Bản với nhiều đền thờ thần đạo, chùa chiền và các lễ hội cổ truyền, các ngành nghệ thuật, thủ công truyền thống. Đây cũng chính là nơi lưu giữ và bảo tồn những nét văn hóa truyền thống trước sự giao lưu và hội nhập của văn hóa Đông-Tây. Kawabata đã lựa chọn cái tên Koto cho tác phẩm này như một biểu tượng kín đáo, thể hiện sự tự hào về nét văn hóa bản địa và đầy tính mỹ cảm cổ điển của phương Đông. “Đó là một thành phố lớn với những cây cối đẹp đến sững sờ. Không sao tả được cái tuyệt mỹ nơi khu vườn bao quanh biệt thự hoàng gia bên cạnh chùa Shugakuin, cánh rừng thông bên hoàng cung, bao nhiêu vạt vườn mênh mang của những ngôi chùa cổ, mà ngay cây cối trên các phố xá cũng rất tươi tốt, chính chúng là điều trước nhất đập vào mắt du khách...” (Tuyển tập Kawabata, 2005: 612).

Việc thành phố Kyoto một năm cho chạy tưởng niệm một lần chuyến tàu điện cổ - cái mà ông gọi là toa tàu tưởng niệm, và sự lo sợ của nhân vật Otomo Sosuke khi nghe nói Mỹ chặt mất hàng cây long não dọc bờ sông..., đã cho thấy rõ Kyoto là một biểu tượng văn hóa quý giá cần phải giữ gìn trước sự xâm nhập của văn hóa Âu Mỹ. Vì thế, cố đô Kyoto đã trở thành biểu tượng cho ký ức dân tộc, cho những giá trị truyền thống đã trở thành bản sắc Phù Tang.

Trong tác phẩm này, hoa anh đào cũng là một biểu tượng văn hóa được nhấn mạnh.

Có thể nói, loài hoa anh đào không chỉ mọc rễ sâu trên đất nước Nhật Bản mà còn tồn tại trong tâm hồn của mỗi người dân xứ sở mặt trời mọc. Có lẽ vì vậy mà *Cố đô* được mở đầu bằng hình ảnh của một lễ hội hoa anh đào, những khu vườn chùa đã trở thành những vườn hoa anh đào khoe sắc đẹp mắt. Đối với người dân Nhật, đặc biệt là người dân Kyoto, mùa xuân chỉ đến khi những bông hoa anh đào hé nụ. “Cố đô có nhiều loài hoa, duy chỉ có hoa anh đào đủ thủ thi cùng ta đẩy mới đích xuân sang. Chieko bước vào vườn chùa, nàng lặng người đi, không sao rời mắt khỏi rừng anh đào rù. Những đóa hoa sắc hồng đẹp lạ lùng khiến tâm hồn nàng tràn đầy niềm rạo rực thiêng liêng. ‘Ôi, vậy là cả năm nay nữa ta đã gặp gỡ mùa xuân’ - đôi môi nàng thắm thì không thành tiếng” (Tuyển tập Kawabata, 2005: 585). Lúc này, ngắm hoa không còn là một hành động thưởng thức cái đẹp thông thường mà nó đã được nâng lên thành một nghi lễ. Kawabata đã trân trọng nói đến nghi lễ truyền thống của dân tộc như một lời nhắc nhở người Nhật hãy luôn giữ lấy những gì đã là tinh túy của dân tộc.

Nếu trong *Xứ Tuyết*, Kawabata giới thiệu một sắc thái nổi bật của văn hóa Phù Tang là lựa Chijimi (một loại lựa đặc biệt, được dùng để may trang phục sân khấu kịch Noh) thì trong *Cố đô*, Kawabata lại giới thiệu một nét văn hóa đặc sắc khác, đó chính là những bộ áo kimono truyền thống trang nhã và quý phái. Một bộ kimono truyền thống kết hợp tất cả cảm quan tinh tế của người Nhật nên đó thực sự là một tác phẩm nghệ thuật, một nét đẹp văn hóa.

Không phải ngẫu nhiên Kawabata đã kể nhân vật Tachikuro kì công như thế nào để lưu giữ được nét đẹp truyền thống của dân tộc trên họa tiết kimono: “Trong ký ức ông

còn lưu giữ hoa văn, màu sắc bao nhiêu mặt hàng, trang phục. Lúc dạo chơi khắp các khu vườn danh tiếng ở Kyoto, khắp các vùng ngoại ô thành phố, ông thường ký họa, mong có dịp sử dụng đến khi cần khối màu cho hàng may kimono” (*Tuyển tập Kawabata*, 2005: 612). Hay “Kimono có họa tiết kiểu Edo, tinh tế giản dị thuộc sáng tác của Komiya mà người ta vẫn gọi là ‘bảo vật văn hóa’ hay không thì cũng ‘tài sản quốc gia’ rất hợp với giới trẻ. Đến khách đi đường cũng phải ngoái lại nhìn” (*Tuyển tập Kawabata*, 2005: 609). Chính vì vậy mà Kyoto xứng danh là “thành phố kimono”.

Kyoto còn xứng đáng được gọi bằng nhiều tên gọi mỹ miều khác nữa bởi nơi này lưu giữ những *Trà thất* của các bậc thầy về *Trà đạo* và những bức thư pháp của các bậc thầy của *Thư đạo*. Những bậc thầy này qua ngòi bút của Kawabata trong *Cố đô* được biết đến như những con người cống hiến thầm lặng cho việc bảo tồn và phát huy các giá trị cổ. Họ tận tụy với công việc không chỉ vì niềm đam mê của chính mình mà còn vì họ tự gánh vác trách nhiệm phải truyền ngọn lửa nhiệt huyết đó cho các thế hệ sau. Trước ranh giới của sự sáng tạo và sự lưu giữ, họ chính là những con người quan trọng để giữ gìn những tinh hoa của nét đẹp truyền thống, là nền tảng vững chắc cho sự phát triển của một Nhật Bản đang chuyển mình học tập theo văn hóa phương Tây.

Có thể nói, những biểu tượng mà Kawabata sử dụng trong tác phẩm *Cố đô* đã mở cho độc giả một cánh cửa bước vào tâm thức sâu thẳm của người Nhật về một cuộc sống luôn gắn bó và tôn thờ thiên nhiên. Bằng cách lựa chọn và xây dựng biểu tượng như vậy, Kawabata xứng đáng là “người lữ khách muôn đời đi tìm cái đẹp”.

* *Sắc thái văn hóa Nhật Bản qua cách miêu tả Lễ hội Gion*

Lễ hội là một nét đẹp không thể thiếu của văn hóa truyền thống Nhật Bản. Là một nhà văn lấy bản thể văn hóa dân tộc làm nền tảng cho sự bảo tồn để phát huy các giá trị xưa, Kawabata đã dày công tái hiện lại những nét đẹp độc đáo của văn hóa lễ hội trong nhiều danh tác của mình, nhưng nổi bật nhất vẫn là ở *Cố đô*. “Ở Kyoto là nơi có bao nhiêu chùa cổ Phật giáo và Thần đạo như thế, hầu như không có ngày nào là không có hội chùa lớn nhỏ. Cứ trông lịch tháng 5 là đủ thấy - chả ngày nào không khỏi ngày lễ” (*Tuyển tập Kawabata*, 2005: 631).

Trong tác phẩm này, lễ hội nổi tiếng của Kyoto được Kawabata lựa chọn để giới thiệu là một lễ hội mùa hè tổ chức vào tháng 7 - Lễ hội Gion Matsuri (祇園祭). Lễ hội này bắt nguồn từ mục đích xưa đuổi các bệnh dịch mùa hè hoành hành khắp thành Heian vào năm 869. Ngày nay, cùng với lễ hội Aoi (葵祭) và Jidai (時代祭り), Gion trở thành một lễ hội tiêu biểu của thành phố Kyoto.

Kawabata đã dẫn người đọc vào thế giới Lễ hội Gion theo từng bước chân của Chieko, theo đó, hình ảnh của lễ hội hiện lên thật sinh động. Điều đầu tiên có thể thấy, Gion Matsuri là một sự kiện lớn đối với người Kyoto. Ngay cả một tiệm bán đậu hũ lâu đời hơn 200 năm như Yubahan cũng chỉ sản xuất một lượng đậu hũ đủ phục vụ cho những khách hàng quen thuộc của họ vì quá bận rộn cho việc chuẩn bị lễ hội. Ngay cả câu chuyện của Chieko với người chủ cửa hàng cũng xoay quanh chủ đề Gion. Và trên con đường về nhà, đâu đâu nàng cũng nghe tiếng hò reo diễn tập cho ngày hội chính. Du khách đến với Kyoto sẽ nghĩ rằng lễ hội này chỉ là một cuộc trình diễn các cỗ kiệu lớn vào ngày 17/7 hay lễ rước các kiệu nhỏ

Yoiyama vào đêm ngày 16. Tuy nhiên, đối với người dân địa phương, lễ hội này đã thật sự bắt đầu với những nghi thức cầu siêu, cầu an từ ngày 1 cho đến ngày cuối cùng của tháng 7 (J. Martin Holman, 2006: 83).

Ở đây, có thể nhận thấy rằng, Kawabata rất khéo léo trong việc giới thiệu lễ hội Gion trên lập trường của một người cầm bút khách quan. Ông đứng ở góc độ của một người khách quan sát Lễ hội, và ngay sau đó, ông đứng ở góc độ của người dân địa phương để giải thích kỹ hơn về lễ hội này. Từ nhiều góc độ khác nhau, thông tin về Lễ hội Gion được giới thiệu một cách khái quát nhất.

Sự gắn bó với văn hóa truyền thống một cách sâu sắc là một sắc thái văn hóa Nhật Bản mà tác giả muốn làm rõ thông qua cách miêu tả lồng ghép những sự việc mà Chieko đã trải qua trong suốt tháng 7 cùng với những nghi lễ, sự kiện của Lễ hội Gion. Những hồi ức thơ ấu của Chieko dành cho Shin-ichi - người bạn trai của mình, luôn luôn là hình ảnh cậu bé được lựa chọn ngồi trên kiệu rước năm nào. Ký ức đó sâu đậm đến nỗi, mỗi khi nghe tiếng trống hội và nhìn thấy những cỗ xe đèn lồng là ngay lập tức Chieko lại nghĩ ngay đến hình ảnh Shin-ichi. Vào thời điểm đó, cả hai đều trạc 7,8 tuổi (J. Martin Holman, 2006: 83).

Tiếng trống hội Gion được tác giả sử dụng như một nút thắt kết dính nhân vật Chieko với môi trường văn hóa mà nàng đang sống. Nếu tiếng trống hội vừa mang lại cho nàng một ký ức thơ ấu đẹp thì nó cũng vang lên lúc nàng cảm thấy rối bời khi nghĩ về thân phận của mình sau cuộc gặp với Naeko. Và kể từ đó, khi tiếng trống vang lên cùng với những cỗ kiệu nối đuôi nhau trở về đền Yasaka báo hiệu những ngày cuối cùng của lễ hội đã đến, thì Chieko biết rằng, mình sẽ không còn thanh thản như trước đây nữa (J. Martin Holman, 2006: 102).

Mặc dù mạch truyện được dẫn dắt bởi dòng tâm tưởng của Chieko, nhưng khi viết về Naeko, Kawabata cũng thể hiện sự thống nhất khi đặt tất cả các nhân vật của mình trong một dòng tâm thức nhất quán về sự gắn kết sâu sắc với tín ngưỡng bản địa và văn hóa dân tộc. Trước khi chia tay nhau, Naeko nói với Chieko rằng “Em sẽ không kể cho ai nghe về việc chúng ta đã gặp nhau tối nay. Chỉ có thần linh ở đền Gion biết mà thôi” (J. Martin Holman, 2006: 88).

2. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa trong tiểu thuyết *Cố đô*

Kawabata viết *Cố đô* trong bối cảnh văn hóa Tây phương đã lan tỏa và có sức ảnh hưởng lớn đối với đời sống của người dân Nhật Bản, với dự cảm rằng “Sự tàn lụi của văn hóa là sự cạn kiệt của linh hồn văn hóa, khi những ý niệm của nó đã không còn có khả năng cổ vũ con người nữa, con người giờ đây không còn hướng tới việc thực hiện các giá trị văn hóa mà hướng tới các mục đích vị lợi và tiện nghi của cuộc sống” (A.A. Radugin, 2004: 58).

Qua tác phẩm *Cố đô*, Kawabata muốn khắc họa nét văn hóa truyền thống với những vẻ đẹp của thiên nhiên, con người, những lễ hội, chùa chiền, phong tục, tập quán với những cổ mẫu đã trở thành biểu tượng văn hóa, hiện hữu trong tiềm thức người dân Nhật Bản nhưng tất cả có nguy cơ mai một trước sức mạnh của các tổ hợp công nghiệp sẽ dần thay thế cho các ngành nghề thủ công truyền thống. Dường như e sợ trước sự ảnh hưởng sâu rộng của nền văn minh phương Tây, Kawabata cũng muốn truy tầm lại những dấu tích của các nền văn hóa cổ. Chính vì vậy, trong tác phẩm, bên cạnh câu chuyện về hai chị em song sinh, tác giả cũng rất chú trọng đến việc lột tả vẻ đẹp của văn hóa truyền thống Kyoto bằng cách sử dụng

ngôn ngữ tiếng Nhật trong sáng, mềm mại nhưng không kém phần tao nhã.

Kawabata thể hiện sự tiếc nuối những nét văn hóa truyền thống đang dần mất đi thông qua ngôn ngữ đậm chất hoài niệm. Hai chị em sinh đôi Chieko và Naeko tình cờ gặp lại được nhau, nhưng rồi cũng phải chia xa. Cuộc chia tay của hai nhân vật này được Kawabata xây dựng bằng những ngôn từ miêu tả ngắn gọn, tưởng chừng như không có cảm xúc nhưng thật ra lại chan chứa tình cảm. “Núi lấy cửa hàng rào, Chieko cứ mãi trông theo dáng hình cô gái đang xa dần. Naeko không ngoảnh lại. Những bông tuyết rơi xuống tóc Chieko lan ra tức khắc. Thành phố vẫn còn ngủ” (*Tuyển tập Kawabata*, 2005: 737).

Qua ngôn ngữ của Kawabata, *Cố đô* không chỉ là câu chuyện của hai nhân vật nữ chính, mà còn là bức tranh toàn cảnh về những nghi lễ, thú vui của giới quý tộc cung đình thời Heian. Đó là hội ngâm thơ trong vườn thượng uyển Kyokusui-no-en (曲水の宴) của giới quý tộc Heian. Đây là một nghi lễ mùa xuân nằm trong hệ thống lễ tiết hàng năm Nenchugyoji của cung đình xưa mà có lẽ thời cận hiện đại đa phần người Nhật đều cảm thấy lạ lẫm. Bằng những câu văn súc tích của Kawabata, Kyoto cổ đại hiện lên trong mắt người đọc không chỉ là không khí nên thơ của một khu vườn mùa xuân mà còn là thú phong lưu dạo chơi bằng thuyền rồng trên sông Arashiyama. Và ông cũng không quên nhắc đến điệu múa trong Nhã nhạc cung đình, Karyobinga (迦陵頻伽) rất quen thuộc trong đời sống tinh thần của giới quý tộc.

Có thể nói, chỉ bằng những câu văn gãy gọn, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Kyoto bỗng hiện lên trước mắt độc giả một cách sống động. Nếu độc giả là người Nhật, họ có thể sẽ cảm thấy thiếu sót nếu đọc đến trang 215 của tác phẩm mà

chưa một lần đến Shishigatani để viếng cảnh chùa Anraku, một ngôi chùa có tòa tháp hình bát giác bằng gỗ còn lại duy nhất ở Nhật Bản hiện nay, cũng như chưa trải nghiệm tập quán ăn bí đỏ Kabocha Kyuyo nổi tiếng của địa phương này. Ngoài ra, còn có tập tục giải hạn bằng dưa leo Kyurifuji ở chùa Renge. Nếu độc giả là người nước ngoài, hẳn sẽ rất tò mò khi Kawabata chia sẻ rằng những phong tục tập quán mùa hè như Kabocha Kyuyo và Kyurifuji ở Kyoto có không ít (川端康成, 1968: 215).

Với lối viết đề cao mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa, Kawabata đã thành công trong việc khơi gợi sự tò mò tìm hiểu và trải nghiệm văn hóa của độc giả. Hay nói một cách khác, *Cố đô* gần như trở thành một cuốn cẩm nang miêu tả tỉ mỉ những nét văn hóa truyền thống quý giá của Nhật Bản bằng một giọng văn khúc chiết, mềm mại và đầy cảm xúc của một con người tha thiết yêu quê hương và suốt đời không ngừng đi tìm cái đẹp đích thực.

3. Kết luận

Những sắc thái đa màu, đa diện của văn hóa xứ Phù Tang đã được Kawabata khảo cứu, tái hiện công phu trong tác phẩm *Cố đô* với khát vọng bảo tồn những giá trị văn hóa cổ để lưu truyền cho những thế hệ mai hậu những chân giá trị hằng cửu của ông cha đã dày công tạo dựng và truyền bá qua nhiều thế hệ. Bằng sự am hiểu văn hóa Đông phương và tinh thông văn hóa Tây phương, cùng với những kỹ thuật, phương pháp của các trào lưu, triết thuyết thịnh hành lúc bấy giờ như hiện tượng học, phân tâm học, chủ nghĩa hiện sinh, Kawabata đã khảo tả thành công về miền sâu tâm lý, sự hiện hữu, cô đơn trong sâu thẳm tâm hồn của các nhân vật.

(xem tiếp trang 45)